

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-PT

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Dư Thành Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2022/TLPT-DS ngày 29/6/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1963. Địa chỉ: số H E, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: số M, đường T, phường H, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1967; ông Phạm Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản sạch xuất nhập khẩu V

Địa chỉ: số M, đường P, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam: Ông Phạm Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà Nguyễn Thị Tuyết N: Luật sư Nguyễn Huy T – Thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Huy T – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: số B, đường N, phường H, thành phố Đà Lạt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Hoài Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N.

(Luật sư T có mặt; ông L, ông H, bà N và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Vào tháng 4/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết N gợi ý với ông Đỗ Văn P mua cà phê sau đó ký gửi tại kho của bà N tại thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, khi nào cà phê tăng giá bà N bán và chuyển tiền lại tiền cho ông P. Do làm ăn và tin tưởng bà N nên ông P đồng ý mua 50 tấn cà phê nhân xô với giá 32.000 đồng/kg, đến ngày 25/4/2019 ông P chuyển vào T khoản của bà N (số T khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 03/5/2019 ông P đến nhà bà N tại thôn S, xã LA, huyện BL để xem 50 tấn cà phê nhân đã ký gửi tại kho cà phê. Tại thời điểm đó, ông P chỉ nhìn thấy cà phê nhân được đóng trong bao xếp trong kho chứ không kiểm điểm số lượng và kiểm tra chất lượng có phải cà phê hay không. Ngày 04/5/2019 tại nhà bà N, ông H thuộc thôn S, xã LA, huyện BL hai bên ký hợp đồng. Bà N đã chuẩn bị sẵn bản hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ghi ngày 25/4/2019, nội dung là ông P có gửi Công ty TNHH Nông sản sạch xuất nhập khẩu V, người đại diện là ông Phạm Văn H chồng bà N, trụ sở Công ty tại số số M, đường P, phường B, thành phố Đà Lạt số lượng cà phê là 50 tấn cà phê nhân xô, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1,5 %, đen vỡ 0,5%, lúc này ông P có thắc mắc tại sao lại ghi hợp đồng lùi ngày và ký hợp đồng với Công ty chồng bà N thì bà N giải thích làm như vậy sẽ thuận lợi cho công việc hơn nên ông P đã đồng ý ký hợp đồng trên. Sau khi ký xong hợp đồng thì ông P và bà N đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc chuyển vào số T khoản của bà N (Số T khoản 106000588643) số tiền 1.399.994.500 đồng.

Đến ngày 01/11/2019 do thấy giá cà phê lên 32.500 đồng/kg nên ông P đã gọi điện thoại yêu cầu bà N bán toàn bộ số cà phê nhân còn lại là 43.474kg (Trước đó ông P đã lấy 6.526 kg cà phê nhân do bà N giao về Đồng Tháp hoặc do ông P tự lên lấy) chốt thành tiền là 1.412.000.000 đồng, sau khi bán thì bà N mới trả cho ông P số tiền 312.000.000 đồng, còn nợ lại 1.100.000.000 đồng.

Ông P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà N và ông H trả số tiền còn thiếu trên nhưng bà N ông H không trả. Do vậy, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Văn H trả cho ông P số tiền 1.100.000.000 đồng + lãi suất phát sinh là 1%/ tháng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đến ngày 21/8/2020 ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V liên đới trả cho ông P số tiền

1.100.000.000 đồng + lãi suất phát sinh là 1%/ tháng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ý kiến ông H: Ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V, hiện nay Công ty vẫn đang hoạt động bình thường. Giữa Công ty và ông Đỗ Văn P ký hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 nhưng ký hợp đồng theo yêu cầu của ông P để làm thủ tục thuế chứ không thực hiện hợp đồng như nội dung đã thỏa thuận, ông P hoàn toàn không gửi bất cứ khoản tiền nào vào T khoản cá nhân ông H cũng như T khoản của Công ty. Hợp đồng ngày 25/4/2019 được ký kết tại trụ sở công ty TNHH Nông sản sạch xuất nhập khẩu V số M, đường P, phường B, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Tuy nhiên, đây là việc mua bán giữa ông P và bà N, không liên quan gì đến ông H cũng như Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V.

Ý kiến bà N: Bà và ông P có quan hệ kinh doanh mua bán cà phê từ lâu, hai bên thường giao dịch mua bán qua điện thoại bằng hình thức bà chuyển cà phê về cho ông P thông qua các nhà xe, sau khi nhận cà phê ông P chuyển tiền cho bà thông qua T khoản Ngân hàng, từ năm 2018 đến năm 2019 bà đã chuyển cà phê cho ông P quy ra tiền là 2.280.635.000 đồng, ông P đã chuyển tiền cho bà thông qua T khoản tại Ngân hàng Viettinbank số tiền 2.592.644.000 đồng, số tiền 312.009.000 đồng còn thiếu do bà bị bệnh chưa thanh toán cho ông P được, đến tháng 11/2019 con trai bà là Phạm Hoài Đ đã chuyển cho ông P 312.000.000 đồng nên bà N không còn nợ ông P số tiền nào nữa. Hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam là hợp đồng giả tạo được ký theo yêu cầu của ông P để ông P mang về Đồng Tháp làm việc với cơ quan Thuế, do vậy bà N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết N: Giữa ông P và bà N có việc mua bán cà phê từ năm 2018 đến năm 2019. Hai bên thỏa thuận khi nào bà N giao cà phê về TP. Hồ Chí Minh hoặc Đồng Tháp cho ông P thì ông P thực hiện việc chuyển tiền. Từ năm 2018 đến năm 2019 ông P chuyển cho bà N số tiền 2.592.644.000 đồng thì bà N cũng đã chuyển hàng là cà phê cho ông P tương đương số tiền là 2.280.635.000 đồng, còn nợ lại số tiền 312.000.000 đồng đến ngày 07/11/2019 con trai của bà N là anh Phạm Hoài Đ đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng nên bà N không còn nợ ông P số tiền nào nữa. Đối với hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V là hợp đồng giả tạo được ký theo yêu cầu của ông P để đối phó với cơ quan Thuế.

Đối với 02 chứng từ ủy nhiệm chi ngày 25/4/2019 và ngày 04/5/2019 số tiền ông P chuyển đến T khoản của bà N là 1.599.994.500 đồng, bà N đã nhận và số tiền này nằm trong việc mua bán diễn ra giữa hai bên.

Ý kiến anh Phạm Hoài Đ: Bà Nguyễn Thị Tuyết N là mẹ đẻ của anh và có nhờ anh chuyển tiền thanh toán dứt điểm số tiền mua bán còn lại cho ông P nên ngày 07/11/2019 anh đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng. Nội dung trả nợ tiền cà phê cô N thanh toán xong, bằng hai giấy ủy nhiệm chi 212.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, toàn bộ số tiền chuyển cho ông P là của mẹ anh, anh chỉ là

người chuyển dùm. Anh hoàn toàn thống nhất với quan điểm của mẹ anh và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số: 12/2022/DS-ST ngày 04/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Phạm Văn H và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P 1.318.815.666 (Một tỷ ba trăm mười tám triệu tám trăm mười lăm ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng tiền gốc và 218.815.666 (Hai trăm mười tám triệu tám trăm mười lăm ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành của các đương sự.

Không đồng ý với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Ngày 11/5/2022 bà Nguyễn Thị Tuyết N đã làm đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt và không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phạm Văn H và anh Phạm Hoài Đ không kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Huy T: Giữa ông P và bà N có việc mua bán cà phê từ năm 2018 đến năm 2019. Hai bên thỏa thuận khi nào bà N giao cà phê về TP. Hồ Chí Minh hoặc Đồng Tháp cho ông P thì ông P thực hiện việc chuyển tiền. Từ năm 2018 đến năm 2019 ông P chuyển cho bà N số tiền 2.592.644.000 đồng thì bà N cũng đã chuyển hàng là cà phê cho ông P tương đương số tiền là 2.280.635.000 đồng, còn nợ lại số tiền 312.000.000 đồng đến ngày 07/11/2019 con trai của bà N là anh Phạm Hoài Đ đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng nên bà N không còn nợ ông P số tiền nào nữa. Đối với hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V là hợp đồng giả tạo được ký theo yêu cầu của ông P để đối phó với cơ quan Thuế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên

tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà N, ông H và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà N, ông H và anh Đ theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N thì thấy rằng:

[3.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N nộp trong hạn luật định, người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2] Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N thì:

Theo hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V (Viết tắt là Công ty), (Bút lục 153-155) thể hiện bên gửi T sản là ông Đỗ Văn P bên giữ T sản là Công ty, đối tượng gửi giữ là cà phê nhân xô Rôbusta, số lượng cà phê là 50 tấn cà phê nhân xô, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1,5 %, đen vỡ 0,5%, giá cà phê nhân xô hiện tại là 32.000đồng/kg, tổng số tiền hàng hóa 1.600.000.000 đồng, đặt cọc trước 200.000.000 đồng chuyển khoản tại Ngân hàng. Thanh toán số tiền còn lại 1.400.000.000 đồng vào ngày 02/5/2019 chuyển khoản tại Ngân hàng. Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 25/4/2019 thể hiện ông P chuyển vào T khoản của bà N (số T khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 200.000.000 đồng, nội dung Đỗ Văn P CT và theo giấy ủy nhiệm chi ngày 04/5/2019 nội dung ông P chuyển vào T khoản của bà N (số T khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 1.399.994.500 đồng, nội dung Đỗ Văn P CT mua cà phê theo HĐ, căn cứ vào các giấy ủy nhiệm chi trên chứng tỏ rằng ông P có chuyển cho bà N tổng số tiền 1.599.994.500 đồng, số tiền này cũng được bà N thừa nhận. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền trên được ông P chuyển vào T khoản cá nhân của bà N chứ không chuyển vào T khoản của Công ty. Sau đó, việc bán cà phê cũng được ông P thỏa thuận với bà N và do bà N là người thực hiện cũng như là chuyển số tiền 312.000.000đ cho ông P. Do vậy, việc ông P yêu cầu Công ty TNHH Nông sản sạch Xuất nhập khẩu V liên đới chịu trách nhiệm trả tiền là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N và ông H cung cấp các T liệu về việc chuyển tiền và các phiếu xuất kho cà phê cho rằng việc mua bán cà phê giữa các bên diễn ra từ năm 2018 đến năm 2019; theo đó ông P chuyển cho bà N số tiền 2.592.644.000 đồng, đồng thời bà cũng đã chuyển cà phê cho ông P tương đương số tiền 2.280.635.000 đồng, còn lại 312.000.000 đồng thì đã được chuyển trả vào

ngày 07/11/2019 do con trai bà N là anh Đ thực hiện. Tuy nhiên, qua xem xét các T liệu trên cho thấy các lần chuyển tiền và chuyển cà phê được diễn ra trước khi các bên thực hiện hợp đồng mua bán vào tháng 4/2019; chỉ có số tiền 312.000.000 đồng là bà N chuyển cho ông P sau thời điểm hai bên chốt bán cà phê vào tháng 11/2019. Do vậy, có cơ sở xác định: sau khi ông P chuyển số tiền 1.600.000.000 đồng mua 5.000kg cà phê và chốt bán 43,474kg còn lại với số tiền là 1.412.000.000 đồng, bà N mới chuyển cho ông P 312.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.100.000.000 đồng là đúng.

Về lãi suất: Sau khi chốt bán cà phê quy thành tiền ông P không có chứng cứ để chứng minh thời hạn trả tiền và thời gian chịu lãi do chậm trả tiền nên yêu cầu tính lãi của ông P chỉ có cơ sở chấp nhận từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là ngày 05/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/5/2022 là 23 tháng 29 ngày x 1.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 218.815.666 đồng.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án, xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và 218.815.666 đồng tiền lãi là có căn cứ. Bị đơn bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được T liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N. Cần giữ nguyên bản sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[5] Về án phí:

Do bà N phải trả cho ông P số tiền cả gốc và lãi là 1.318.815.666 đồng nên bà N phải chịu 51.564.469 đồng án phí dân sự sơ thẩm (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị T sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Yêu cầu khởi kiện của ông P không được chấp nhận là 56.184.334 đồng tiền lãi nên ông P phải chịu 2.809.216 đồng án phí dân sự sơ thẩm (56.184.334 đồng x 5% = 2.809.216 đồng).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Phạm văn H và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu V.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P số tiền 1.318.815.666 đồng (*Một tỷ, ba trăm mười tám triệu, tám trăm mười lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), trong đó 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm*

triệu đồng) tiền gốc và 218.815.666 đồng (Hai trăm mười tám triệu, tám trăm mười lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) tiền lãi.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 51.564.469 đồng (Năm mươi một triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004514 ngày 03/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc ông Đỗ Văn P phải chịu 2.809.216 đồng (Hai triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, hai trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019619 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông P số tiền 19.690.784 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- CCTHADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự (05);
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh